

VỀ CÁC TƯ LIỆU BIÊN SOẠN SÁCH “ĐẠI NAM QUỐC CƯƠNG GIỚI VÙNG BIÊN” LƯU TẠI TƯ ĐẠO VĂN KHỐ - NHẬT BẢN

NGUYỄN THỊ OANH*

Tóm tắt: *Đại Nam quốc cương giới vùng biên* (大南國疆界彙編) là tập sách chuyên khảo cứu (kèm theo bản đồ toàn quốc và bản đồ các tỉnh) về biên giới nước ta tiếp giáp với các nước khác, được viết bằng chữ Hán, hiện lưu trữ tại Tư đạo văn khố, Nhật Bản. Sách do Hoàng Hữu Xứng biên soạn theo chỉ dụ nhà vua, được hoàn thành vào năm 1887. Đây là một văn bản địa chí quan phương, có giá trị trên nhiều phương diện, mang ý nghĩa lịch sử quan trọng trong việc xác định vị trí địa lý và cương vực chủ quyền lãnh thổ Việt Nam dưới thời Nguyễn. Hoàng Hữu Xứng đã dựa vào nhiều tư liệu, sử liệu Hán Nôm trong nước và các sử liệu tại nước ngoài để biên soạn *Đại Nam quốc cương giới vùng biên*. Bằng phương pháp nghiên cứu văn bản, nghiên cứu liên ngành, địa danh học và văn hóa học..., bài viết này muốn làm sáng tỏ tư liệu; cách trích dẫn các tư liệu và những đóng góp của Hoàng Hữu Xứng trong việc biên soạn bản *Đại Nam quốc cương giới vùng biên* hiện lưu trữ tại Nhật Bản.

Từ khóa: Đại Nam quốc cương giới vùng biên, Hoàng Hữu Xứng, Cương vực, Địa lý, Bản đồ.

Abstract: *Đại Nam quốc cương giới vùng biên* 大南國疆界彙編 (Compilation of the Frontiers and Boundaries of Đại Nam) is a monographic work on the borders of Vietnam adjoining neighboring countries, accompanied by maps of the entire country and individual provinces, written in classical Chinese and currently preserved at the Tư Đạo Archive (Shido Bunko) in Japan. The work was compiled by Hoàng Hữu Xứng under royal command and completed in 1887. It is an official geographical text of significant value in many respects and bears great historical importance in determining the geographical position and territorial boundaries of Vietnamese sovereignty under the Nguyễn dynasty. Hoàng Hữu Xứng relied on numerous domestic Hán-Nôm materials and foreign historical sources in compiling *Đại Nam quốc cương giới vùng biên*. Employing methods of textual research, interdisciplinary studies, toponymy, and cultural studies, this article seeks to clarify the sources used, the methods of citation, and the contributions of Hoàng Hữu Xứng in compiling the version of *Đại Nam quốc cương giới vùng biên* currently preserved in Japan.

Keywords: Đại Nam quốc cương giới vùng biên; Hoàng Hữu Xứng; territorial boundaries; geography; maps.

Ngày nhận bài: 18/9/2025; **Ngày phản biện:** 21/11/2025; **Ngày duyệt đăng:** 22/12/2025.

1. Đặt vấn đề

Nhiều năm nay, chúng tôi đã tiến hành điều tra kho sách Hán Nôm của Emile Gaspardone tại Tư đạo văn khố (Shidobunko), Trường Đại học Keio, Tokyo, Nhật Bản và đã có bài viết: *Vài nét về kho sách Hán Nôm của Emile Gaspardone tại Tư đạo văn khố (Shidobunko) Nhật Bản* (Nguyễn Thị Oanh, 2017: 761). Gần đây, chúng tôi may mắn được tiếp xúc với sách *Đại Nam quốc cương giới vùng biên* (viết tắt là *ĐNQCVB*) hiện lưu trữ tại kho sách này và

văn bản trên đã được chúng tôi sao chụp đưa về lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Nhận thức - Giáo dục Thăng Long, Trường Đại học Thăng Long. Ngoài lưu trữ tại Nhật, *ĐNQCVB* còn được lưu trữ tại Viện Sử học và Viện Nghiên cứu Hán Nôm (viết tắt là Viện Hán Nôm) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Theo *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, hiện ở Pháp cũng lưu trữ một tập bản đồ mang tên *Đại Nam cương giới vùng biên* (sách do Hoàng Hữu Xứng, Nguyễn Hữu Độ, Phan

*PGS.TS. Viện Nghiên cứu Nhận thức - Giáo dục Thăng Long, Trường Đại học Thăng Long.
Email: ntoanh2003@yahoo.com

Đình Bình, Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Thường, biên soạn năm Đồng Khánh thứ 2 (1886). 1 bản viết, 590 tr, 26,7cm x 21,1cm, 1 số, 1 phàm lệ, 1 mục lục, chữ Hán. Paris. SA.Ms.b.30) và bản microfilm sách *Đại Nam cương giới vịnh biên* (ký hiệu 1517 tại kho sách của Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (EFEO) ở Paris. Bản ký hiệu A.1342 (chỉ có Q.3 và một phần Q.5, có bản đồ), hiện lưu tại Viện Hán Nôm. Theo Lou Vargar, *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* ở Thư viện Hiệp hội Á châu có hai ký hiệu là: Paris SA.HM.2133 và Paris SA.Ms.b.30).

Năm 2020, Nhà xuất bản Hà Nội đã cho ra mắt sách *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* lưu trữ tại Viện Sử học do hai tác giả là Vũ Thị Lan Anh và Vũ Việt Bằng¹ dịch và công bố. Ngoại trừ bản lưu trữ tại Pháp ký hiệu SA.Ms.b.30 chưa có điều kiện sưu tầm, chúng tôi đã khảo sát được một số bản chép *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại hai thư viện nói trên của Việt Nam. Năm 2024, trong bản viết: “Vài nét về văn bản *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* hiện lưu trữ tại Tư đạo văn khố, Đại học Keio Nhật Bản” (Nguyễn Thị Oanh, Lê Văn Ất, 2024: 17), chúng tôi đã trình bày một số vấn đề sau: 1. Bối cảnh lịch sử; 2. Tình hình văn bản; 3. Kết cấu và nội dung văn bản; 4. Mục đích và phương pháp biên soạn *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên*; 5. So sánh *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* hiện lưu trữ tại Nhật Bản với các bản hiện lưu trữ tại Việt Nam; 6. Vài nét về tác giả Hoàng Hữu Xứng. Thông qua phương pháp nghiên cứu văn bản học, nghiên cứu liên ngành, địa danh học, văn hóa học... chúng tôi đã đưa ra nhận định bản *ĐNQCVB* của Nhật Bản là bản tương đối đầy đủ so với các bản *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Viện Sử học, đồng thời đã đưa ra những đánh giá ban đầu về

tình hình văn bản, nội dung, tác giả và giá trị tác phẩm *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Nhật Bản. Tuy nhiên, bản *ĐNQCVB* được Hoàng Hữu Xứng biên soạn với mục đích, phương pháp và thể lệ ra sao vẫn chưa được chúng tôi giải quyết thấu đáo; Các tư liệu trong nước và quốc tế được ông sử dụng và trích dẫn thế nào cũng chưa được đề cập; Những đóng góp của ông trong việc biên soạn sách *ĐNQCVB* vẫn chưa được đánh giá đúng mức, vì thế bài viết này sẽ tiếp tục làm sáng tỏ các vấn đề mà chúng tôi nêu trên.

2. Kết quả và thảo luận

2.1. Vài nét về mục đích, phương pháp và thể lệ biên soạn sách “*Đại Nam quốc cương giới vịnh biên*”

2.1.1. Mục đích

Trong bài tâu trình của Hoàng Hữu Xứng nhân việc sách hoàn thành, dâng lên vua vào ngày 9 tháng 4 năm 1887 (tức sau 1 năm ông đến nhận việc ở Quốc sử quán vào năm 1886), cho biết, mục đích biên soạn sách *ĐNQCVB* là nhằm kiểm định, khảo cứu toàn bộ cương giới nước ta, đặc biệt những nơi tiếp giáp với Trung Quốc, Xiêm La (Thái Lan), Miến Điện (Myanmar), vị trí chính xác của con sông Mêkông... đồng thời vẽ thành bức địa đồ lớn kèm theo.

2.1.2. Phương pháp ghi chép

Theo bản tấu của Hoàng Hữu Xứng và Phàm lệ sách, để có thể biên soạn theo đúng chỉ dụ của nhà vua trong việc biên soạn sách *ĐNQCVB*, ông đã phải thực hiện một cách thận trọng theo phương pháp sau:

Thu thập đầy đủ tư liệu. Dốc sức sưu tầm những nơi, đặc biệt là cương giới phía Tây thuộc miền thượng du của nước ta từ xưa tới nay chưa kịp đi kinh lý (chưa đi điều tra thực địa, điền dã); tiến hành sưu tầm, kiểm duyệt các sách địa chí cũ của nước ta, ghi chép trong các tàng thư cá nhân của các gia đình; sử dụng bản đồ của nước ta (kể cả bản đồ mới vẽ của các tỉnh) và tham khảo thêm bản đồ của Trung

¹ *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên*. (2020). Vũ Thị Lan Anh - Vũ Việt Bằng dịch chủ từ bản *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* của Viện Sử học. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.

Quốc và phương Tây; cho nghiên cứu và dịch thuật tài liệu của Trung Quốc và phương Tây; thu thập thêm những tài liệu ngoài sử sách của triều đình, lược lặt các sách vỡ rách nát, đồng thời hỏi thêm ý kiến của nhiều người.

Phương pháp ghi chép. Theo phương pháp ghi chép tổng quát, phải chép tất cả toàn bờ cõi nước ta, các địa phương trải các đời diên cách thay đổi thế nào; số dặm dài rộng, thông với cả nước, hiện đặt bao nhiêu phủ, tỉnh, đạo; cuối cùng đến cương giới, lấy sông Khung phụ thêm vào; bản đồ thì cần hiển thị rõ ràng ở vùng giáp giới với sông Khung. Theo phương pháp ghi chép riêng biệt, thì chia riêng từng tỉnh để ghi chép, nếu tỉnh nào không có biên giới với nước khác thì vẫn tùy theo các khoản để ghi chép rõ ràng là: “không có tiếp giáp với nước khác”, để phân biệt; bản đồ thì cũng theo phải viết [tên] tỉnh tiếp giáp; về các nơi có cương giới, hễ nơi nào từ trước thuộc nước ta, cũng được nước khác điều tra đo đạc, hoặc luận định theo công văn nhà nước, đồng thời tra cứu trong sách sử có chép rõ ràng, thì cũng phải ghi chép tất cả để tham khảo cho đầy đủ; các nơi trước đã mất đất vào nước khác cũng phải khảo cứu sách vở và bản đồ lấy đó làm căn cứ để ghi lại. Sáu tỉnh Nam Kỳ thuộc quyền cai trị của người Pháp thì cũng ghi chép vào phần Tổng quát và Riêng biệt để tên các địa danh đó còn được lưu lại.

2.1.3. Thể lệ biên soạn

Căn cứ vào 11 điều trong *Phàm lệ biên soạn* đặt ở đầu sách *ĐNQCVB* có thể tóm tắt thành mấy điểm chính sau đây:

Giới hạn phạm vi kiểm kê tra cứu (theo các sách địa chí cũ của ta): Kiểm kê, tra cứu và biên chép cương giới nước ta tiếp giáp với nước Thanh, nước Xiêm, nước Miến (Điện) và sông Khung Giang đích xác thuộc khu vực nào; Việc ghi chép [các nơi] tiếp giáp với các nước, cùng phụ chép các địa phương có sông Khung chảy qua, từ vùng thượng du dọc theo con sông, nếu có đoạn nào được ghi trong

sách địa chí cũ của nước ta, cùng các nước tiếp giáp với hai bên tả, hữu sông Khung, thuộc phủ, huyện, châu nào, hoặc tên của bản trại² man nào thì cứ theo sách địa chí cũ của ta mà biên chép. Đoạn nào chưa được rõ ràng, nhưng nếu địa giới ấy thuộc về nước ta, thì bản trại man ấy vẫn được chép trong sách của nước ta, như man Thạch Bích cùng các bản trại của các man hoang sơ khác, tuy có thể quay lưng bất thường với ta, nhưng vẫn sống ở bờ Đông sông Khung thì đều là các bản trại man trong địa phận nước ta. Thuộc nước khác, thì vẫn ghi thuộc địa phận nước nào đó. Còn về hạ du, giáp với biển, thì chỉ tra xét tên cửa biển, ghi chép tất cả để hiển thị trên bản đồ toàn quốc. Còn các nơi hơi xa, không nối liền với vùng biên giới cùng hết thảy dân cư, phong tục, thổ sản đã chép cả ở bộ *Nhất thống dư địa chí*³ đời Gia Long, ở đây xin lược chép.

Giới hạn kiểm kê tra cứu (theo sách cũ và truyền thuyết): Cương giới tiếp giáp và hai bên tả, hữu sông Khung nên kiểm tra ghi chép tên đất tất cả các bản man, tất cả đều dựa vào sách cũ và truyền thuyết cũ, từ trước đến nay, nếu những địa phương này không tùy thời thay đổi, hoặc như có nơi nào đó vốn là khu vực, bản của man ấy đã được dẫn trong sách cũ, thuyết cũ, hoặc đã được chép vào, mà nay đã điều tán dời đi nơi khác; hoặc vốn là man ấy, nhưng nay bị bọn man khác thôn tính, nhưng nay không có gì để kê cứu chính xác thì phải kiểm tra, truy cứu [man ấy] có quan hệ thế nào, nếu vốn đã rõ ràng thì phải tiến hành ghi chép tất cả, bằng không thì vẫn theo sách cũ, thuyết cũ chép điền vào trong sách.

² *Bản trại*: nguyên văn chữ Hán chép là “sách” 柵: vốn dùng gỗ, tre nứa để quây xung quanh nhà và vườn tước, sau trở thành thành địa danh hành khu vực miền núi, như bản, làng.

³ Tức sách *Hoàng Việt nhất thống Dư địa chí* hay *Gia Long nhất thống dư địa chí* là sách địa chí do Lê Quang Định Thượng thư Bộ Binh khởi sự biên soạn vào niên hiệu Gia Long thứ 5 (1806). Đây là bộ địa chí đầu tiên của nhà Nguyễn, mở đầu cho việc biên soạn các bộ địa chí có quy mô lớn và những sách địa phương chí sau này. Sách này hiện đang lưu trữ tại Thư viện Quốc gia, ký hiệu R.1684 và một bản hiện đang lưu trữ tại Pháp.

Trích lục và tham khảo từ các sách sử: Ghi chép tất đủ các nơi có cương giới, nơi nào từ trước thuộc nước ta đã cũng được nước khác khám định (điều tra đo đạc), hoặc lấy tư báo (công văn nhà nước) mà luận định, tra trong sách sử có chép rõ ràng, cũng xin tùy thuộc tình phận nào, nhất định phải đem trích lục ra hết để tham khảo cho đầy đủ.

Khảo cứu từ sách vở và bản đồ: Phía sau các dãy núi nước ta, có đường sông nào chảy theo hướng tây mà thông đến sông Khung, thì [phải xem] đầu nguồn của sông ấy và chảy qua phủ, huyện, châu nào, hoặc bản trại man nào, khảo cứu sách vở và bản đồ có thể dựa vào làm căn cứ, cũng ghi cả vào.

Về các địa phận đã mất vào nước khác cũng cần ghi chép đầy đủ để biết lai lịch: Các khu vực dọc theo biên giới nước ta từ trước là thuộc nước ta, nhưng nay tuy đã mất vào nước khác xin cũng chiếu theo vốn thuộc hạt tỉnh nào, ghi chép vào, cho biết lai lịch; 6 tỉnh ở Nam Kỳ, nay là quần hạt của nước đại Pháp, sách này biên chép cương giới có lẽ nên chiếu từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Bình Thuận, trở ra Bắc đến Cao Bằng, nhưng giản hoặc có ghi chép đến địa phương nào sông Khung chảy qua, thì đoạn hạ lưu sông Khung ở cả vào khoảng An Giang, Định Tường [thuộc] 6 tỉnh Nam Kỳ xin chép cả vào trong phần chép tổng quát và chép ở phần riêng biệt để tên địa danh còn được lưu lại; Về địa phương Cao Miên, từng được triều trước kinh lý, hệ thống cả vào bản đồ, người kế vị bỏ đi, nay cũng xét qua sự tích biên thêm vào sau, cho biết đầu đuôi.

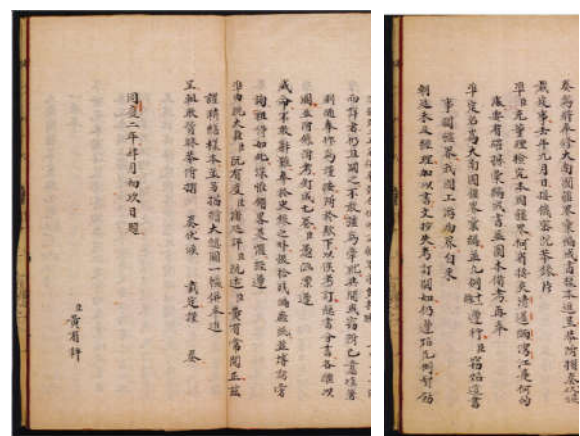
Ghi chép đầy đủ truyền thuyết, nếu có sự tương đồng cũng chép để lưu lại: Xưa nay tương truyền liên quan tới cương giới đại sự [của đất nước], mà từ trước đến nay không có chứng cứ, nhưng đã có các nhà bàn luận (như việc dựng cột đồng của Mã Phục Ba) cũng xin chép cả cho đủ các thuyết; Trong các sách biên thuật, thỉnh thoảng nếu có đề cập đến cương giới của đất nước ta cùng với nguồn chảy của sông Khung,

[việc ghi chép] thường có chỗ giống nhau, khác nhau, cũng chép cả lưu lại, để đối khảo chính.

Về địa phương Cao Miên, triều trước đã kinh lý và đưa vào bản đồ, sau lại bỏ đi, cũng sẽ xem xét sự tích để biên chép thêm vào sau cho biết đầu đuôi. Những chỗ chưa rõ ràng thì để khuyết, không tự lấy ý chủ quan của mình mà đưa vào. Tùy theo mỗi khoản mà thêm phụ chú, chờ khảo đính; thực hiện vẽ bản đồ toàn quốc và sử dụng lại bản đồ từ kho lưu trữ của triều đình và các bản đồ mới vẽ của các tỉnh. Toàn bộ sách và từng phần của sách (tức Kinh sư và từng tỉnh) đều đính bản đồ kèm theo.

Tóm lại, *ĐNQCGVB* là cuốn sách được biên soạn theo mục đích rõ ràng là kiểm kê, tra cứu toàn bộ cương giới lãnh thổ nước ta, đặc biệt là các nước tiếp giáp biên giới nước ta như nước Thanh, nước Xiêm (Thái Lan), nước Miến (Miến Điện) và các nơi thuộc bờ đông sông Khung trở về nước ta (tính từ Nghệ An ra bắc). Cách thức biên chép và thể lệ biên soạn rõ ràng, dựa chủ yếu vào nguồn tư liệu sách vở như các bộ sử, địa chí; bản đồ; Ngoài ra còn căn cứ và vào sách vở và truyền thuyết để kê cứu, xem xét cương giới lãnh thổ theo quản lý hành chính của nhà nước ta thời bấy giờ.

Hình 1: Bản tấu của Hoàng Hữu Xứng khi sách hoàn thành (Hoàng Hữu Xứng, 1887)



2.2. Hoàng Hữu Xứng sử dụng tư liệu nào để biên soạn *Đại Nam quốc cương giới vừng biên*

2.2.1. Danh mục các tư liệu trong và ngoài nước được trích dẫn

Theo thống kê ban đầu của chúng tôi, *ĐNQCVB* đã tham khảo các bộ dư địa chí trong nước, gồm 16 tác phẩm, bộ *Gia Long nhất thống dư địa chí* hay còn gọi là *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* được trích dẫn nhiều nhất 27 lần; Tiếp đến là bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, trích dẫn 14 lần; *Hoàng Việt địa dư chí* trích dẫn 6 lần; tiếp đến là các bộ: *Gia Định thành thống chí* trích dẫn 5 lần; *Ngũ man phong thổ ký*; *Nam Chương kỷ lược*; *Quảng Đức sơn xuyên địa đồ*; *Cam Lộ phủ chí*. Các bộ sử lớn như: *Đại Nam thực lục*; Các bộ văn tập của các nhà như: *Nam quốc Vũ công*, do Nguyễn Trãi (1380-1442), biên soạn (sách còn có tên gọi khác là *An Nam Vũ công* và *Dư địa chí*); *Văn*

Đài loại ngữ, do Lê Quý Đôn (1726-1784), biên soạn; *Nghệ An Bùi Tồn Trai văn tập* của Bùi Dương Lịch (1757-1828); *Vũ Phạm Khải văn tập*; *Đông dương văn tập* của Vũ Phạm Khải (1807 - 1872); *Việt sử khảo lược*, tên đầy đủ là *Việt sử thông giám cương mục khảo lược*, do Nguyễn Thông (1827-1884), biên soạn; *Công hạ ký văn* (hay còn có tên là *Thoái thực ký văn*) của Trương Quốc Dụng (1797-1864).

Sách nước ngoài 32 bộ gồm: *Địa lý vấn đáp* của phương Tây; Các bộ địa chí lớn của Trung Quốc như *Đại Minh nhất thống chí*; *Đại Thanh nhất thống chí*; *Khâm Châu chí*; *Doanh hoàn chí lược*; *Nam Hải phương dư loại toàn*; *Tân thư địa lý chí*; *Dư địa kỷ thắng*; *Thái bình hoàn vũ ký*; *Bắc sử chí*; *Hải quốc đồ chí*; *Thủy kinh chú*... Ngoài ra còn các bộ sử lớn của Trung Quốc như *Tùy sử Minh sử*; *Đường thư*; *Tân thư*; *Nam Tề thư*... (xem bảng 1).

Bảng 1: Danh mục các sách trích dẫn từ thư tịch của Việt Nam và Trung Quốc trong sách “*Đại Nam quốc cương giới vừng biên*”

Chúng tôi ghi nguyên văn tên tác phẩm viết bằng chữ Hán trong bản chữ Hán *ĐNQCVB* có kèm trang trích dẫn.

Trường hợp tên sách bị tình lược, sẽ đặt từ thiếu trong ngoặc vuông []. Ví dụ *Gia Định thành [thông chí]*

Stt	Thư tịch Việt Nam		Thư tịch Trung Quốc
1	<i>Khâm định Việt sử thông giám cương mục</i> 欽定越史通鑑綱目 [9a] [115a] [127a] [134b] [136a] [145a] [185a] [189a] [190a] [192a] [195b] [197b] [198a] [200b]	1	<i>Kinh Thư</i> 書經 [9a]
2	<i>Hoàng Việt địa dư chí</i> 皇越地輿志 [11b] [41b] [41b] [90b] [108b] [129b]	2	<i>Sái truyện</i> 蔡傳 [9a]
3	<i>Gia Long nhất thống dư địa chí</i> 嘉隆一統輿地志 [13b] [19b] [25b] [32a] [36b] [42b] [49b] [55a] [59a] [63a] [67a] [71a] [76b] [81b] [86a] [90b] [95b] [100a] [105a] [109a] [114a] [120a] [125b] [133a] [144a] [150a] [154b]	3	<i>Khâm Châu chí</i> 欽州志 [116b]
4	<i>Gia Định thành [thông chí]</i> 嘉定城通志 [13b] [14b] [72b] [155a] [168b]	4	<i>An Nam kỷ yếu</i> 安南紀要 [135a] [136a]
5	<i>[Đại Nam] thực lục chính biên</i> 大南實錄正編 [14a] [20a] [127b] [138b] [195b]	5	<i>[Đại] Thanh nhất thống chí</i> 大清一統志 [137b]
6	<i>Ngũ Man phong thổ ký</i> 五蠻風土記 [14a] [187a]	6	<i>Đông Hoa lục</i> 東花錄 [137b]
7	<i>Nam Chương kỷ lược</i> 南掌紀略 [14a] [196b]	7	<i>Đường thư</i> 唐書 [158b] [188b] [196b] [202b]
8	<i>Quảng Đức sơn xuyên địa đồ</i> 廣德山川地圖 [20a]	8	<i>Minh sử</i> 明史 [168a] [187a] [200a] [200a]
9	<i>Cam Lộ phủ chí</i> 甘露府志 [25b] [187b]	9	<i>Đại Minh nhất thống chí</i> 大明一統志 [183b] [193b] [197a]

10	<i>Khâm định châu địa đồ</i> 欽定朱地圖 [163b]	10	<i>Đại Thanh nhất thống chí</i> 大清一統志 [183b] [188a] [189a] [195b] [197a] [200a]
11	<i>Dư địa chí</i> 輿地志 [168a]	11	<i>Hải quốc đồ chí</i> 海國圖志 [184b] [185a]
12	<i>Nam quốc Vũ cống</i> 南國禹貢 [184a]	12	<i>Vạn quốc địa lý toàn đồ tập</i> 萬國地理全圖集 [184b]
13	<i>Việt sử lược</i> 越史略 [186a] [201a]	13	<i>Nam Hải phương dư loại toàn</i> 南海方輿類纂 [184b]
14	<i>Nam Chiếu dã sử</i> 南詔野史 [187a]	14	<i>Tấn thư địa lý chí</i> 晉書地理志 [188a]
15	<i>Công hạ ký văn</i> 公暇記聞 [187b] [193b] [197b]	15	<i>Tùy sử</i> 隋書 [188b] [196b]
16	<i>[Đại] Nam nhất thống chí</i> 南一統志 [192a]	16	<i>Dư địa kỷ thắng</i> 輿地紀勝 [188b]
		17	<i>Thông chí</i> 通志 [188b]
		18	<i>Thủy kinh chú</i> 水經註 [189a] [190a]
		19	<i>Tùy sử</i> 隋史 [189a]
		20	<i>Thông điển Lâm Ấp</i> 通典林邑 [189a]
		21	<i>Tân Đường thư</i> 新唐書 [189a] [199b]
		22	<i>Thái bình hoàn vũ ký</i> 太平寰宇記 [189a]
		23	<i>Thông điển Đường chí</i> 通典唐志 [189b]
		24	<i>Tập lãm</i> 集覽 [192b]
		25	<i>Bắc sử chí</i> 北史志 [193b]
		26	<i>Phương dư loại toàn</i> 方輿類纂 [195b] [197a]
		27	<i>Hậu Hán thư</i> 後漢書 [198a]
		28	<i>Tấn thư</i> 晉書 [199a]
		29	<i>Nam Tề thư</i> 南齊書 [199a]
		30	<i>Tống sử</i> 宋史 [199b]
		31	<i>Hải quốc dư chí</i> 海國圖誌 [202a]
		32	<i>Hoàng Thanh thông khảo</i> 皇清通考 [202a]

2.2.2. Cách trích dẫn và giá trị của các thông tin được trích dẫn

Như trên đã nêu, mục đích biên soạn sách *ĐNQCVB* là nhằm kiểm định, khảo cứu toàn bộ cương giới nước ta, đặc biệt những nơi tiếp giáp với Trung Quốc, Xiêm La (Thái Lan), Miến Điện (Myanmar), vị trí chính xác của con sông Mê công, đồng thời vẽ thành bức địa đồ lớn kèm theo. Để hoàn thành công việc này Hoàng Hữu Xứng đã phải khảo cứu và tổng hợp từ rất nhiều nguồn sách với tinh thần thận trọng và khách quan. Từ sử liệu trong nước và nước

ngoài, ông đã bổ sung, đính chính các thông tin còn chưa đầy đủ; phân tích và biện luận các trường hợp sử liệu trong nước và nước ngoài còn chưa chính xác... nhằm làm rõ diện cách địa dư các tỉnh ở nước ta, đặc biệt là các tỉnh có đường ranh giới với nước ngoài. Chúng tôi xin nêu một trường hợp cụ thể như sau.

Khảo cứu sách *Gia Long nhất thống dư địa chí* để khẳng định các tỉnh thuộc Bắc Kỳ và Nam Kỳ tiếp giáp nước Đại Thanh và địa phương Cao Miên; khảo cứu sách *Gia Định thành thông chí* để làm sáng tỏ biên giới nước ta tiếp giáp với các nước Xiêm La,

Nam Chường, Vạn Tượng; khảo cứu sách *Nghệ An* [ký] để khẳng định vị trí của sông Khung và vùng giáp giới với Xiêm La; trên cơ sở tham khảo các sách của người phương Bắc, phương Tây cùng với bản đồ nay thì phần lớn đều ghi nước ta về phía Tây giáp giới với Xiêm La.

Trong lời “Cẩn án” (Kính xét), Hoàng Hữu Xứng viết: “Kính xét sách *Gia Long nhất thống dư địa chí* trong đó có ghi các tỉnh Bắc Kỳ, Nam Kỳ và các địa phương tiếp giáp nước Đại Thanh và địa phương Cao Miên, còn các nước Xiêm La, Nam Chường, Vạn Tượng thì chỉ được ghi trong sách *Gia Định thành [thông chí]*. Phía Tây cách Xiêm La (đầu đời Gia Long, thành Gia Định thống lãnh toàn bộ các tỉnh Nam Kỳ, thì Hà Tiên nằm giữa, cho nên nói rằng cách Xiêm La, còn như giờ đây chia tỉnh thì là giáp Cao Miên vậy), còn lại từ Phú Yên trở ra bắc đến Hà Tĩnh đều thấy chép. Phía Tây tiếp với động núi hoặc núi cao, hoặc các dãy núi thì không thấy đề cập đến. Sông Khung giáp Xiêm La được ghi trong sách *Nghệ An* [ký].

Phía Tây giáp Ai Lao không thấy ghi. Nam Chường, Vạn Tượng, khi khảo cứu thì dựa vào các sách của người phương Bắc, phương Tây cùng với bản đồ. Các sách phần lớn đều ghi nước ta về phía tây giáp giới với Xiêm La” (Hoàng Hữu Xứng, 1887: tờ 13b).

Nguyên văn chữ Hán:

謹按嘉隆一統輿地志，間有載及南北圻諸省，接夾大清與高蠻地方，若暹羅，南掌，萬象，則只於嘉定城有載，西距暹羅，嘉隆初，嘉定城是統南圻諸省，則河仙在其中，故謂距暹。若今分省，則是夾高蠻耳。餘自富安以北至河靜均載。西夾山峒，或高山或群山不見載，及灣江與夾暹羅者，於乂安載。西夾哀牢不見載。南掌萬象仍考之北書西書並圖，多載本國西界暹羅 (Hoàng Hữu Xứng, 1887: tờ 13b).

Các sử liệu trong nước, *Gia Long nhất thống dư địa chí* là bộ địa chí được biên soạn thời Gia Long được Hoàng Hữu Xứng dẫn

dụng nhiều nhất. Ở thời điểm Hoàng Hữu Xứng biên soạn *ĐNQCGVB*, sách *Gia Long nhất thống dư địa chí* vẫn còn, nhưng hiện nay chỉ còn bộ *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* do Lê Quang Định biên soạn năm Bính Dần (1806) [*Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* viết nhằm thành năm 1860 (tr. 853)]; Nguyễn Gia Cát, Lễ Bộ Tả tham tri, viết tựa năm Gia Long thứ 5 (1806). Bộ sách này hiện chỉ còn 01 bản viết tay, hiện lưu trữ tại Paris, ký hiệu: SA HM 2192 (1-10). Năm 2021, sách đã được Phan Đăng dịch và xuất bản ra tiếng Việt, Nhà xuất bản Thế giới. Năm 2014, nhà xuất bản Đại học Sư phạm Tây Nam (Trung Quốc) đã ấn hành cuốn sách này. Các nhà nghiên cứu đi trước cho rằng *Gia Long nhất thống dư địa chí* chính là bộ *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* do Lê Quang Định biên soạn vào năm Bính Dần (1806), đời vua Gia Long.

Căn cứ vào lời Tựa của Nguyễn Gia Cát viết vào năm 1806, năm bộ sách của Lê Quang Định hoàn thành, viết rằng: “Vào năm Nhâm Tuất niên hiệu Gia Long (1802), Hoàng đế [Gia Long] đã dẫn quân viễn chinh lên phía Bắc, bắt giữ nhiều nguy giặc và bình định Bắc Hà. Trong hai trăm năm qua, biên giới [đất nước] đã quy về một mối thống nhất. Phía Bắc từ Tuyên Quang, Lạng Sơn; phía Nam đến Hà Tiên, tất thấy có 31 châu đều trở thành các châu được giáo hoá bởi uy danh của hoàng đế. Lãnh thổ rộng lớn của nước này thực sự chưa từng có trong lịch sử Việt Nam. Hoàng đế đích thân điều hành mọi công việc và để tâm đến toàn thể thiên hạ, đặc biệt ra lệnh cho Lê Quang Định, giữ chức Thượng thư bộ Binh, Mẫn Chính hầu đi khảo sát các tuyến đường chính và lập các trạm dịch, [mỗi dịch trạm] cách nhau khoảng nửa ngày để phân bổ đều nhân lực cho dân chúng. Các tuyến đường trong phạm vi quyền hạn cũng được nêu chi tiết và biên soạn thành các tập chí vừng tập (các tập sách địa chí). Những nguy hiểm và thuận lợi của núi non,

sông ngòi, khoảng cách đường sá, ranh giới lãnh thổ, nguồn lợi sông biển, cũng như cầu cống, chợ búa, cửa hàng, phong tục tập quán và sản phẩm địa phương đều được ghi chép lại từng cái một và biên soạn thành mười tập, sách xong dâng lên” (Lê Quang Định, 2002: 12).

Nguyên văn chữ Hán:

據本書阮嘉吉序，「嘉隆壬戌御駕北征，俘獲偽渠，悉平河北。二百餘年之此疆彼界，都歸一統。北極宣諒，南抵河仙，大小鎮營道，凡三十有一，皆為聲教之州。其輿地之廣，誠我越從古以來所未有者也。欽奉皇上親總萬機，心行天下，特命兵部尚書敏政侯臣黎光定飭所在鎮官遍度官路，分設驛站，大約相距半日為限，以均平民力。又詳開轄內路程，雜誌彙集成編。凡山川之險易，路數之遠近，疆域之界限，河海之源委，以至橋樑市店，風俗土產，一一登載，釐為十卷，書成上進。」(Lê Quang Định, 2002: 1829).

Vì tầm quan trọng của bộ địa chí được biên soạn vào những năm vua Gia Long mới lên ngôi, nên khi biên soạn *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên*, Hoàng Hữu Xứng đã trích dẫn từ sách *Gia Long nhất thống dư địa chí* và chú thích rõ lấy từ nguồn sách trên. Ngoài nước Nam (tức Đại Nam); 1 phủ Thừa Thiên, số còn lại 24 tỉnh gồm: Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội, Hưng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hải Dương, Quảng Yên, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng đều ghi rõ ở mục Số dặm, dài của mỗi tỉnh đều lấy từ *Gia Long nhất thống dư địa chí*. Một số tỉnh không trích từ *Gia Long nhất thống dư địa chí* gồm: Hưng Yên và 6 tỉnh Nam Kỳ thuộc Pháp gồm: Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Ví dụ ghi chép về số dặm dài rộng của phủ Thừa Thiên được *ĐNQCVB* ghi như sau:

“Rộng: chưa rõ. Sách *Gia Long nhất thống dư địa chí* ghi: Từ Kinh thành thẳng xuống cửa Yên [Eo]⁴ Hải (nay là tấn⁵ Thuận An) 8450 tầm, lại từ Kinh thành thẳng lên nguồn Hữu Trạch 11324 tầm⁶. Từ xứ Mũi [Tạm] nguồn Hữu Trạch ngược lên xứ Bến Bông 4720 tầm. Từ phía trước Kinh thành thẳng lên nguồn Tả Trạch 8218 tầm. Từ xứ Mũi [Tạm] nguồn Tả Trạch ngược lên xứ Thác Miệt [20a] 8840 tầm, là giáp giới phía Tây sau núi đều chưa đến được nơi tận cùng. Huống hồ trong số đó còn có những chỗ uốn lượn quanh co, số dặm thành ra khó định cho chuẩn được, hãy cứ ghi chép vào để khảo cho đủ đã. Trở xuống thì các tỉnh Tả hữu trực kì và Bắc kì cũng giống như vậy” (Tờ 20a).

Nguyên văn chữ Hán:

長闊里數 長驛路六站半通計約一百七十五里。

闊未詳。《嘉隆一統輿地志》間載自京城直下溟海門，今順安汛八千四十五尋。又自京城右直上右澤源一萬一千三百二十四尋。自右澤源轉處溯上淺杭處四千七百二十尋。自京城絲前直上左澤源八千二百十八尋。自左澤源八千二百十八尋。自左澤源轉處溯上托機處八[20a]千四百四十尋。是於山後西界均來抵極處。況又間或屈曲紆迴，里數誠難準定。姑併錄以備考耳下左右直畿與北圻諸省同 (Tờ 20a).

Như vậy, có thể thấy sách *Gia Long nhất thống dư địa chí* đóng vai trò quan trọng trong việc biên soạn *ĐNQCVB*. Lẽ đương nhiên còn nhiều sử liệu khác được biên soạn về sau như *Hoàng Việt dư địa chí* của Phan Huy Chú; *Gia Định thành thông chí*; *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*... đều được sử dụng để tham khảo khi biên soạn *ĐNQCVB*.

⁴ Chữ này âm Hán Việt là “yên” 溟, có lẽ dùng để ghi âm Nôm “Eo”. Cửa Eo, là cửa Thuận An.

⁵ Tấn 汛: đồn trấn thủ.

⁶ Tầm 尋: đơn vị đo lường thời xưa. Mỗi tầm khoảng 8 thước.

2.3. Giá trị của sách “Đại Nam quốc cương giới vừng biên” hiện lưu trữ tại Nhật Bản

2.3.1. “Đại Nam quốc cương giới vừng biên” hiện lưu trữ ở Tư đạo văn khố là bản đầy đủ nhất so với các bản lưu trữ ở trong nước

Trong bài viết năm 2024, để có thể nhận ra giá trị trân quý của sách *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Nhật Bản, chúng tôi đã so sánh, khảo dị kỹ lưỡng sách *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Nhật Bản với các bản *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Viện Sử học và Viện Nghiên cứu Hán Nôm, rút ra những nhận định bước đầu về các bản lưu trữ tại hai thư viện trên.

Thứ nhất: bản của Viện Sử học đều có đầy đủ các mục và bản đồ giống với bản *ĐNQCVB* của Tư đạo văn khố, nhưng có điểm khác biệt sau:

Kết thúc ở phần ghi chép của Q.7, không có đoạn ghi tên các vị đại thần tham gia các công việc khảo cứu, đối chiếu và nơi lưu trữ bản đồ;

Về hình thức kết cấu văn bản, các bản đồ trong sách *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Nhật Bản được thể hiện xen kẽ với các phần ghi chép Tổng quát và ghi chép Riêng biệt từng tỉnh, nhưng bản *ĐNQCVB* của Viện Sử học lại vẽ gộp chung thành tập riêng, đặt sau Q.7.

Bản đồ toàn quốc trong bản hiện lưu trữ tại Nhật Bản ghi đầy đủ địa danh các tỉnh từ Lạng Sơn đến Hà Tiên (bao gồm cả đảo Phú Quốc) và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Bản đồ này còn ghi đầy đủ số lượng cửa biển của các tỉnh và các nơi tiếp giáp với nước ngoài... nhưng bản lưu tại Viện Sử học bản đồ toàn quốc ngoài chữ Hán: “Cửu Long giang, Khung giang” (Sông Cửu Long và sông Khung), không ghi bất cứ địa danh hoặc ghi chú nào bằng chữ Hán (kể cả quần đảo Hoàng Sa).

Thứ hai, các dị bản *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Viện Hán Nôm cũng có kèm bản đồ nhưng không đầy đủ, gồm: bản A.1342, 104 trang, khổ 29cm x 16cm (chỉ có Q.3 và một phần Q.5, có

bản đồ) và bản A.1199, 96 trang, khổ 28cm x 16cm (chỉ có Q.6, Q.7), có bản đồ nhưng *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* không ghi. Cụ thể: bản ký hiệu A.1342 có 9 bản đồ gồm các tỉnh: 1. Quảng Nam tỉnh đồ [tờ 2a-3b], 2. Quảng Ngãi tỉnh đồ [tờ 7a-8b], 3. Bình Thuận tỉnh đồ [tờ 12a-13b], 4. Phú Yên tỉnh đồ [tờ 17a-18b], 5. Khánh Hòa tỉnh đồ [tờ 22a-23b], 6. Bình Định tỉnh đồ [tờ 29a-30b], 7. Sơn Tây tỉnh đồ [tờ 35a-36b], 8. Lạng Sơn tỉnh đồ [tờ 41a-42b], 9. Cao Bằng tỉnh đồ [tờ 48a-49b].

Bản A.1199, 96 trang, khổ 28cm x 16cm (chỉ có Q6, Q7), có 5 bản đồ, gồm các tỉnh: 1. Biên Hòa tỉnh đồ [tờ 4a-5a], 2. Gia Định tỉnh đồ [tờ 9a-10a], 3. Định Tường tỉnh đồ [tờ 13a-14a], 4. Vĩnh Long tỉnh đồ [tờ 18a-19a], 5. An Giang tỉnh đồ [tờ 22a-23a]. Bản này sao chép ngày mùng 8 tháng Giêng năm Thành Thái thứ 7 (1895).

Ngoài ra, bản ký hiệu VHv.1721, còn có tấu dâng trình của Khâm tuần biên sách Hội Đồ mộc, tỉnh Quảng Nam [tờ 1a] và bản đồ tỉnh Quảng Nam ở [tờ 1b-2b].

Như vậy, so với bản *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Tư đạo văn khố Nhật Bản, các bản ký hiệu A.1342 và A.1189 đều trong tình trạng “thiếu”. Bản A.1189 còn được sao chép vào năm 1895, muộn sau 6 năm so với thời điểm sách ra đời vào năm 1887.

Qua so sánh hai bản đồ tỉnh Quảng Nam giữa bản A.1342 (microfilm) với bản đồ tỉnh Quảng Nam của Tư đạo văn khố, chúng tôi nhận thấy so với các bản *ĐNQCVB* hiện lưu trữ trong nước thì bản của Tư đạo văn khố được coi là đầy đủ nhất ở thời điểm hiện tại, nhưng nó có phải là bản “gốc” nhất hay không còn chờ khảo sát bản *ĐNQCVB* hiện lưu trữ tại Paris, Pháp.

2.3.2. “Đại Nam quốc cương giới vừng biên” là sách ghi chép về lãnh thổ, cương giới nước ta đầy đủ và toàn vẹn nhất trong các bộ địa chí kèm bản đồ

Ngoài các giá trị chúng tôi vừa nêu trên, *ĐNQCGVB* còn là một tập hợp bản đồ các tỉnh và bản đồ toàn quốc. Chúng ta đã biết, trong số các sách về địa chí có kèm nhiều bản đồ nhất là cuốn *Đồng Khánh dư địa chí* là một tác phẩm ghi chép địa lý đồ sộ nhất thời Đồng Khánh (biên soạn năm 1887, hoàn thành vào những năm niên hiệu Thành Thái). Sách gồm 25 tập chép tay, ghi chép về vị trí, giới hạn, số huyện, tổng, xã, thôn, phường, số đình, binh lính, ruộng đất, thuế khóa, phong tục, thổ sản, khí hậu, núi sông, đường sá, đồn lũy, đền miếu, cổ tích, kỹ nghệ, nhưng đáng tiếc chỉ có 25 tỉnh (không có 6 tỉnh Nam Kỳ thuộc Pháp). Trong khi đó *ĐNQCGVB* được biên soạn theo chỉ dụ của vua Đồng Khánh, biên soạn năm 1886, hoàn thành năm 1887, trước *Đồng Khánh dư địa chí* một năm nhưng vẫn lưu giữ tên nước “Đại Nam” trong tiêu đề tên sách, đồng thời giữ trọn vẹn ghi chép về địa lý của 31 tỉnh trong toàn quốc, kể các 6 tỉnh Nam Kỳ thuộc Pháp. Hơn thế nữa, trong bản đồ: Đại Nam quốc tổng đồ, không chỉ vẽ toàn bộ biên giới lãnh thổ nước ta, phía Bắc từ Lạng Sơn đến cực Nam là Hà Tiên (bao gồm cả đảo Phú Quốc), mà còn vẽ cả bản đồ Hoàng Sa, Trường Sa như một thể thống nhất về cương giới lãnh thổ nước ta thời Đồng Khánh.

3. Kết luận

Như tên gọi *ĐNQCGVB* là bộ địa chí ghi chép về cương giới, địa lý lãnh thổ nước ta thời

Đồng Khánh (1886-1888). Cùng với *Gia Long nhất thống dư địa chí*; *Đại Nam nhất thống chí* và sau đó là *Đồng Khánh dư địa chí* là một trong ba bộ địa chí lớn và quan trọng nhất được biên soạn dưới triều Nguyễn. *ĐNQCGVB* không chỉ cung cấp nhiều tư liệu có giá trị về địa lý, lịch sử, văn hóa, xã hội... mà còn cho thấy quan điểm của triều Nguyễn, đại diện là vua Đồng Khánh trong việc quản lý bờ cõi, biên cương của Tổ quốc. Trên cơ sở tham khảo nhiều sách vở, sử liệu, bản đồ trong nước và nước ngoài, nên Hoàng Hữu Xứng đã có thể định chính và cung cấp thêm một số thông tin mà sử liệu trong nước có lẽ đã ghi chưa chính xác; hoặc do nhiều nguyên nhân mà đất đai của nước ta đã mất, không thể lấy lại. Tuy nhiên, nhờ có *ĐNQCGVB* mà có thể hiểu thêm về lịch sử các vùng đất giáp ranh với nước khác của nước ta.

So với các bản *ĐNQCGVB* lưu trữ ở trong nước, văn bản sách *ĐNQCGVB*, ký hiệu ベトナム 078 lưu trữ tại Tư đạo văn khố Nhật Bản là một văn bản hoàn chỉnh về nội dung và có đầy đủ các bản đồ minh họa, trong đó đặc biệt đã đưa quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa vào bản đồ toàn quốc. Tác phẩm còn đóng vai trò quan trọng là cầu nối để vua Đồng Khánh tiếp tục cho biên soạn bộ sách địa chí quan phương đồ sộ ở triều Nguyễn là *Đồng Khánh địa dư chí*. Đáng tiếc là bộ sách này chỉ ghi chép 25 tỉnh (thiếu 6 tỉnh Nam Kỳ do Pháp quản lý).

Tài liệu tham khảo

Hoàng Hữu Xứng. (1887). *Đại Nam quốc cương giới vịnh biên* (bản chữ Hán), ký hiệu Betonamu 078, hiện lưu trữ tại Tư đạo văn khố, Đại học Keio, Nhật Bản.

Lê Quang Định, (2002). *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Huế: Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm ngôn ngữ Đông Tây.

Nguyễn Thị Oanh (2017). *Vài nét về kho sách Hán Nôm của Emile Gaspardone tại Tư đạo văn khố (Shidobunko) Nhật Bản*. Nghiên cứu Hán Nôm.

Nguyễn Thị Oanh - Lê Văn Át (2024). *Vài nét về văn bản Đại Nam quốc cương giới vịnh biên hiện lưu trữ tại Tư đạo văn khố, Đại học Keio Nhật Bản. Tạp chí Khoa học Đại học Thăng Long*, A6 (11).